



yě dì

野地

noun · wilderness; open field

Example Sentences

Tā men zài yě dì lǐ dā le yī gè zhàng peng

他们在野地里搭了一个帐篷。

They set up a tent in the wilderness.

Yě dì lǐ kāi mǎn le bù zhī míng de yě huā

野地里开满了不知名的野花。

The open field was full of unknown wildflowers.

Trace each character, then write the word on your own.

野	野	野	野	野	野	野	野	野	野	野
野	野	野								

地	地	地	地	地	地	地	地	地		
